

Bản án số: 49/2022/DS-ST

Ngày: 25-7-2022

V/v trAh chấp “Yêu cầu tuyên bố giao
dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối”

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH TIỀN GIAG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Tám.

Bà Đặng Thị Tiềm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền GiAg.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền GiAg tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền GiAg mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 31/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc: “TrAh chấp yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ H, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp TP, xã TH, thị xã C, tỉnh Tiền GiAg.

Bà Nguyễn KT, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp BM, xã KB, ĐHện T, tỉnh Long A.

- Bị đơn: Ông Lê S, sinh năm 1973 (Có mặt).

Bà Huỳnh MT, sinh năm 1975 (Có mặt).

Ah Lê ĐH, sinh năm 1995 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp QC, xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền GiAg.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua:

Ông Hồ A, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 7m, xã KB, ĐHện T, tỉnh Long A.

- Người làm chứng:

Ông Hồ VT, sinh năm 1981(Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, ĐHện T, tỉnh Long A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá VT giải quyết vụ án, nguyên đơn

ông Hồ H và bà Nguyễn KT VT bày: Năm 2011 vợ chồng ông, bà có thuê 10.000m² đất ruộng tại ấp BM, xã KB, ĐHện T, tỉnh Long A của vợ chồng ông Lê S và bà Huỳnh MT đến ngày 30/7/2014 là hết thời hạn thuê đất theo hợp đồng viết tay, từ sau khi hết hạn cho đến nay vợ chồng ông, bà vẫn tiếp tục thuê mượn và trực tiếp cAh tác diện tích nêu trên theo thỏa thuận miệng. Vào tháng 01/2022, vợ chồng ông Lê S và bà Huỳnh MT kêu vợ chồng ông, bà đến nhà và thỏa thuận cĐHên nhượng cho vợ chồng ông, bà diện tích 10.000m² đất ruộng mà ông, bà đAg thuê với giá 400.000.000 đồng, vợ chồng ông, bà đồng ý nhận cĐHên nhượng và đã vay Ngân hàng để giao số tiền 400.000.000 đồng cho ông Lê S và Ah Lê ĐH – con của ông Lê S và bà Huỳnh MT tại nhà ông S vào ngày 18/01/2022, việc này có làm văn bản do bà Nguyễn KT lập, ông Lê S và Ah Lê ĐH có kí tên xác nhận. Thời điểm giao số tiền 400.000.000 đồng có mặt ông Lê S, Ah Lê ĐH, vợ chồng ông bà, em trai ông Hồ H tên Hồ VT, Ah trai ông Hồ H tên Hồ A chứng kiến. Vợ chồng ông S, bà MT nói giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đAg thế chấp vay vốn tại Ngân hàng, sau khi nhận tiền sẽ đem ra Ngân hàng rồi lấy giấy về S tên cho ông bà. Sau khi giao đủ tiền ông bà đã nhiều lần yêu cầu ông Lê S và bà Huỳnh MT làm thủ tục cĐHên nhượng đất như đã thỏa thuận nhưng ông S, bà MT không thực hiện. Do đó, nay ông bà khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng thỏa thuận miệng giữa ông bà với vợ chồng ông Lê S và bà Huỳnh MT về việc cĐHên nhượng quyền sử dụng thửa đất mà ông bà đAg thuê của ông Lê S và bà Huỳnh MT là vô hiệu, đồng thời ông buộc ông Lê S, bà Huỳnh MT và Ah Lê ĐH phải có nghĩa vụ cùng liên đới trả lại ông bà số tiền 400.000.000 đồng.

Tại bản tự khai và trong quá VT giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh MT VT bày: Ông Lê S là chồng, Lê ĐH là con trai bà. Bà có đứng chủ quyền thửa đất 268, tờ bản đồ số 4, diện tích 11.505m² đất tọa lạc tại ấp BM, xã KB, ĐHện T, tỉnh Long A. Nguồn gốc thửa đất này là do bà và ông S nhận cĐHên nhượng của vợ chồng ông Hồ A và bà Nguyễn Thị Lệ Hoa, ông Hồ A là Ah hai của ông Hồ H. Khi trả đủ tiền nhận cĐHên nhượng thửa đất này, ông Hồ A và bà Nguyễn Thị Lệ Hoa đã đưa đất cho bà quản lý và đưa giấy chủ quyền để bà làm thủ tục S tên. Trong thời giA làm thủ tục S tên thì ông Hồ A có thiếu nợ nên bị chủ nợ lấy khoảng 5.000m² trong tổng số 11.505m² đất của thửa đất 268 để cAh tác trừ nợ. Thực tế bà chỉ quản lý khoảng 5.000m² đất mặc dù theo giấy tờ bà đứng chủ quyền 11.505m² nên ông Hồ A có hứa với bà sẽ trả bằng tiền phần đất còn thiếu 5.000m² tương đương với số tiền 400.000.000 đồng cho bà. Do bà và ông Hồ A có thỏa thuận này nên vào ngày 18/01/2022 ông Hồ A có đến nhà giao cho ông Lê S và Lê ĐH số tiền này. Bà và ông Lê S chỉ thỏa thuận cho vợ chồng ông Hồ H và bà Nguyễn KT thuê lại phần đất này để cAh tác chứ không có thỏa thuận cĐHên nhượng thửa đất trên cho vợ chồng ông H, bà KT và cũng

không có việc nhận 400.000.000 đồng tiền cĐHền nhượng đất từ ông H, bà KT, chồng và con bà chỉ có nhận của ông Hồ A 400.000.000 đồng là tiền trả bù phần đất giao thiếu bà nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá VT giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê S VT bày: Ông là chồng của bà Huỳnh MT, Lê ĐH là con trai ông với bà MT. Vợ ông có đứng chủ quyền thửa đất 268, nguồn gốc thửa đất này cũng như việc ông Hồ A giao thiếu đất và có hứa sẽ trả thêm tiền phần đất còn thiếu 5.000m² tương đương với số tiền 400.000.000 đồng cho vợ chồng ông như vợ ông VT bày là đúng. Do không đo đạc lại nên thực tế vợ chồng ông chỉ quản lý khoảng 5.000m² đất và có cho ông Hồ H và bà Nguyễn KT thuê lại phần đất này để cAh tác chứ không có thỏa thuận cĐHền nhượng thửa đất trên cho vợ chồng ông H, bà KT, hơn nữa vợ chồng ông chỉ có khoảng 5.000m² thì không thể thỏa thuận cĐHền nhượng cho ông Hồ H và bà Nguyễn KT 10.000m² đất. Do ông Hồ A có thỏa thuận với vợ chồng ông về việc giao thiếu đất và có hứa sẽ trả thêm tiền phần đất còn thiếu là 5.000m² tương đương với số tiền 400.000.000 đồng nên vào ngày 18/01/2022, tại nhà của ông, lúc đó có ông, Lê ĐH, vợ chồng Hồ H và bà Nguyễn KT, ông Hồ VT và ông Hồ A, ông Hồ A có trực tiếp đưa cho ông số tiền 400.000.000 đồng nói là tiền bù việc giao thiếu đất, bà Nguyễn KT có lập văn bản về việc giao nhận tiền, ông và ĐH có ký tên vào. Ông khẳng định ông nhận số tiền này là tiền ông Hồ A đưa để bù vào tiền giao thiếu đất chứ vợ chồng ông không có thỏa thuận về việc cĐHền nhượng thửa đất đAg cho ông H, bà KT thuê với giá 400.000.000 đồng nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá VT giải quyết vụ án, bị đơn Ah Lê ĐH VT bày: Ah là con của bà Huỳnh MT và ông Lê S. Vào ngày 18/01/2022 vợ chồng Hồ H bà Nguyễn KT, ông Hồ VT và Hồ A có đến nhà Ah và ông Hồ A có trực tiếp đưa cho cha Ah số tiền 400.000.000 đồng nói là tiền bù việc giao thiếu đất, bà Nguyễn KT có lập văn bản về việc giao nhận tiền có kêu Ah đọc lại cho cha Ah nghe, nội dung là bán đất chứ không có từ “1 mẫu”, Ah và cha có ký tên vào, văn bản này chỉ lập thành 01 bản do ông H giữ. Ah khẳng định cha Ah nhận số tiền này là tiền ông Hồ A đưa để bù vào tiền giao thiếu đất chứ không phải tiền cha mẹ Ah thỏa thuận cĐHền nhượng đất cho ông H, bà KT nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại tờ tường VT người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA ông Hồ A VT bày: Ông là Ah ruột của Hồ H, Nguyễn KT là vợ của H tức em dâu ông, Hồ VT cũng là em ruột của ông. Vào ngày 18/01/2022 ông có về quê thăm mẹ bệnh, Hồ H có rủ ông xuống nhà ông Lê S để chồng tiền nhận cĐHền nhượng 1.000m² đất, Hồ H nói là số tiền lớn quá nên vợ chồng H không dám đi nên rủ ông cùng đi. Khi đến nhà ông Lê S ông có chứng kiến việc Hồ H có thỏa thuận nhận cĐHền nhượng 1.000m² đất với giá 400.000.000 đồng với hai cha con ông Lê S và Ah Lê ĐH. Thời điểm chồng tiền nhận cĐHền nhượng đất có ông, Hồ H, Nguyễn KT, ông Lê S và Ah Lê ĐH. Cách hai ngày sau là ngày 20/01/2022, Hồ H có kêu ông xuống nhà ông Lê S để yêu cầu ông S cĐHền nhượng 1.000m² đất nhưng ông S không chịu cĐHền nhượng, Hồ H nói không cĐHền nhượng đất thì trả lại 400.000.000 đồng nhưng ông S cũng không chịu trả lại mà kêu Hồ H đi

thừa đi. Ông xác định vào ngày 18/01/2022 ông không có đưa tiền cho ông Lê S và Ah Lê ĐH. Nay trong vụ kiện này ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Hồ H và bà Nguyễn KT.

Tại tờ tường VT người làm chứng ông Hồ VT VT bày: Ông là em của ông Hồ A và Hồ H, bà Nguyễn KT là chị dâu của ông. Vào ngày 18/01/2022 Ah trai ông là ông Hồ H có kêu ông xuống nhà ông Lê S để chồng tiền nhận cĐHền nhượng 1.000m² đất. Khi đến nhà ông Lê S, lúc này trong nhà ông Lê S có mặt ông, ông Hồ H, bà Nguyễn KT, ông Hồ A, ông Lê S và Ah Lê ĐH, giữa ông Lê S với ông Hồ H, bà Nguyễn KT có thỏa thuận ông Lê S cĐHền nhượng 1.000m² đất cho ông Hồ H, bà Nguyễn KT với giá 400.000.000 đồng nên ông có chứng kiến việc ông Hồ H, bà Nguyễn KT có đưa cho ông Lê S và Ah Lê ĐH số tiền 400.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C tham gia phiên tòa pH biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá VT giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá VT giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là quA hệ trAh chấp dân sự “Yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền GiAg.

[2] Căn cứ lời VT bày của các đương sự, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Vào ngày 18/01/2022 ông Lê S cùng con trai là Lê ĐH có nhận của ông Hồ H bà Nguyễn KT số tiền 400.000.000 đồng, mục đích nhận tiền là cĐHền nhượng quyền sử dụng đất. Còn các bị đơn ông Lê S, bà Huỳnh MT và Ah Lê ĐH cho rằng vào ngày 18/01/2022 ông Lê S và Ah Lê ĐH có nhận số tiền 400.000.000 đồng nhưng là nhận từ ông Hồ A do lúc ông A cĐHền nhượng thửa đất 268, tờ bản đồ số 4, tại ấp BM, xã KB, ĐHện T, tỉnh Long A cho ông Lê S và bà Huỳnh MT thì theo giấy chủ quyền thửa đất 268 có diện tích 11.505m² nhưng thực tế ông S và bà MT chỉ cAh tác 5.000m² đất, ông Hồ A có hứa với bà MT sẽ trả thêm tiền phần đất còn thiếu 5.000m² tương đương với số tiền 400.000.000 đồng nên vào ngày 18/01/2022 ông Hồ A có cùng ông Hồ H, bà Nguyễn KT, ông Hồ VT đến nhà ông S, bà MT để giao cho ông S, Ah ĐH 400.000.000 đồng là tiền bù vào việc giao thiếu đất. Ông Lê S và bà Huỳnh MT không có thỏa thuận cĐHền nhượng thửa đất trên cho vợ chồng ông H và bà KT, ông S bà MT khẳng định chỉ cho ông H bà KT thuê phần đất này để cAh

tác, và cũng không có việc nhận 400.000.000 đồng tiền nhận cĐHền nhượng đất từ ông H, bà KT, nên các bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, lời khai nại trên của các bị đơn không được ông Hồ H, bà Nguyễn KT ông Hồ A và Hồ VT thừa nhận. Hơn nữa, trong quá VT giải quyết vụ án cả ông Lê S và Ah Lê ĐH đều thừa nhận có kí tên vào biên nhận do bà Nguyễn KT lập ngày 18/01/2022. Mặt khác, các bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho lời khai nại của mình là có căn cứ.

Chứng tỏ giữa ông Hồ H, bà Nguyễn KT với ông Lê S và bà Huỳnh MT có giao kết hợp đồng miệng với nhau về việc cĐHền nhượng quyền sử dụng đất nên mới có việc ông Hồ H, bà Nguyễn KT giao cho ông Lê S và Ah Lê ĐH số tiền 400.000.000 đồng.

Và ngay từ đầu bà Huỳnh MT và ông Lê S đã có thái độ giA dối trong việc giao kết hợp đồng với ông Hồ H bà Nguyễn KT. Bà Huỳnh MT và ông Lê S đã có hành vi cố ý làm cho ông Hồ H và bà Nguyễn KT tin rằng bà Huỳnh MT và ông Lê S có ý định cĐHền nhượng thửa đất mà ông, bà đAg cho ông Hồ H bà Nguyễn KT thuê với giá 400.000.000 đồng, do đAg trực tiếp thuê đất của ông S và bà MT để cAh tác nên ông H và bà KT tin rằng nếu ông H và bà KT giao đủ số tiền 400.000.000 đồng cho ông S, bà MT thì ông S và bà MT sẽ làm thủ tục S tên thửa đất cho ông H bà KT. Tuy nhiên, sau khi nhận số tiền 400.000.000 đồng từ ông H bà KT, ông S bà MT lại không thừa nhận có việc thỏa thuận cĐHền nhượng đất cho ông H, bà KT.

Như vậy, hợp đồng thỏa thuận miệng về việc cĐHền nhượng quyền sử dụng đất được xác lập giữa vợ chồng ông Hồ H bà Nguyễn KT với vợ chồng bà Huỳnh MT và ông Lê S là vô hiệu do bị lừa dối theo quy định tại Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Mục I.1 Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại VT trạng bA đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Do vậy, ông Hồ H bà Nguyễn KT khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng thỏa thuận miệng về việc cĐHền nhượng quyền sử dụng đất được xác lập giữa vợ chồng ông bà với vợ chồng bà Huỳnh MT và ông Lê S là vô hiệu do bị lừa dối, đồng thời buộc bà Huỳnh MT, ông Lê S và Ah Lê ĐH phải cùng liên đới trả số tiền 400.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến pH biểu và đề nghị của đại viện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 127, Điều 131, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Mục I.1 Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ H bà Nguyễn KT.

- Tuyên bố giao dịch dân sự là hợp đồng thỏa thuận miệng về việc cĐHễn nhượng quyền sử dụng đất được xác lập giữa vợ chồng ông Hồ H bà Nguyễn KT với vợ chồng bà Huỳnh MT và ông Lê S là vô hiệu do lừa dối.

- Buộc bà Huỳnh MT, ông Lê S và Ah Lê ĐH phải cùng liên đới trả cho ông Hồ H bà Nguyễn KT số tiền 400.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Huỳnh MT, ông Lê S và Ah Lê ĐH phải cùng liên đới chịu 28.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Hồ H, bà Nguyễn KT 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002275 ngày 09/02/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền GiAg

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTXXC;
- CC THADSTX C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTXC;
- CC THADSTX C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Tiền Giang;
- VKSND ĐHện C;
- CC THADS ĐHện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Tiền Giang;
- VKSND ĐHện C;
- CC THADS ĐHện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH TIỀN GIAG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 25 tháng 7 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền GiAg.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Tám.

Bà Đặng Thị Tiềm.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 31/2022/TLST- DS ngày 25 tháng 02 năm 2022 về: “ TrAh chấp yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối” giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Hồ H, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp TP, xã TH, thị xã C, tỉnh Tiền GiAg.

Bà Nguyễn KT, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp BM, xã KB, ĐHện T, tỉnh Long A.

- *Bị đơn*: Ông Lê S, sinh năm 1973 (Có mặt).

Bà Huỳnh MT, sinh năm 1975 (Có mặt).

Ah Lê ĐH, sinh năm 1995 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp QC, xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền GiAg.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua:*

Ông Hồ A, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 7m, xã KB, ĐHện T, tỉnh Long A.

- *Người làm chứng:*

Ông Hồ VT, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, ĐHện T, tỉnh Long A.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả traAh tung tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 127, Điều 131, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Mục I.1 Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ H bà Nguyễn KT.

- Tuyên bố giao dịch dân sự là hợp đồng thỏa thuận miệng về việc cĐHền nhượng quyền sử dụng đất được xác lập giữa vợ chồng ông Hồ H bà Nguyễn KT với vợ chồng bà Huỳnh MT và ông Lê S là vô hiệu do lừa dối.

- Buộc bà Huỳnh MT, ông Lê S và Ah Lê ĐH phải cùng liên đới trả cho ông Hồ H bà Nguyễn KT số tiền 400.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Huỳnh MT, ông Lê S và Ah Lê ĐH phải cùng liên đới chịu 28.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Hồ H, bà Nguyễn KT 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002275 ngày 09/02/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền GiAg

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 25 tháng 7 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)